

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất;
chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về Danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 50/BC-KTNS ngày 30 tháng 11 năm 2021, của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022, trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 70 công trình, dự án; trong đó:

- Tổng diện tích thu hồi: 158,70 ha;

- Tổng kinh phí bồi thường: 88.243 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này).

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 42 công trình, dự

án, trong đó: diện tích đất trồng lúa 17,27 ha; đất rừng phòng hộ 2,4 ha; tổng kinh phí bồi thường là 45.648 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

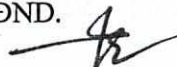
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT. công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, HĐND.



CHỦ TỊCH



Thảo Hồng Sơn

PHỤ LỤC 01

**Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng năm 2022
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 45 /NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	Toàn tỉnh		158,70	16,53	-	2,40	140	88.243	33.779	7.000	47.464	
I	TP. HÀ GIANG		37,33	0,01	-	-	37,32	10.409	-	-	10.409	
1	Đường dây & TBA 110kV Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang (bổ sung)	xã Phương Độ	0,30				0,30	350			350	
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực TPHG năm 2021 (bổ sung)	xã Phương Thiện	0,01	0,01				9,483			9,483	
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Hà Giang năm 2022	xã Phương Thiện; P. Ngọc Hà; Quang Trung; Nguyễn Trãi	0,02				0,02	50			50	
4	Khu đô thị mới Phú Hưng	Tổ 1, phường Minh Khai, thành phố	37,00				37,00	10.000			10.000	
II	H. ĐỒNG VĂN		2,93	0,08	-	-	2,85	2.364	1.699	455	210	

1	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ	Thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú	0,58				0,58	455		455		
2	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Đồng Văn năm 2021	xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	0,05	0,01			0,04	70,0			70,0	
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Đồng Văn năm 2021.	Thị trấn Đồng Văn	0,04	0,01			0,03	70,0			70,0	
4	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Đồng Văn năm 2022.	Thị trấn Đồng Văn	0,05	0,01			0,04	70,0			70,0	
5	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Ngải Trồ, xã Má Lề	xã Má Lề	0,71	0,05			0,66	604	604			
6	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Đình Lũng, xã Tả Phìn	xã Tả Phìn,	0,70				0,70	496	496			
7	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Sính Lũng, xã Sính Lũng	xã Sính Lũng,	0,80				0,80	599	599			
III	H. MÈO VẠC		16,73	0,50	-	-	16,24	18.300	15.700	100	2.500	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km 160+500, QL.4C xã Pả Vi đi mốc 456 xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	xã Giàng Chu Phìn, xã Xín Cái	8,49				8,49	8.500	8.500			
2	Xây dựng hệ thống thoát nước tại Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc. Hạng mục: Cống qua đường + Rãnh nước	xã Pả Vi	0,06				0,06	100		100		

3	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km13 - Km17 và Km36+183 - Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc), tỉnh Hà Giang (ĐA đi qua 2 huyện; Địa phận huyện Mèo Vạc)	Xã Sùng Trà, Tả Lũng, TT Mèo Vạc	3,62				3,62	3.600	3.600			
4	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Tia Cua Si	Xã Giàng Chu Phìn	0,52				0,52	900	900			
5	Hồ chứa nước sinh hoạt Há Đề	xã Khâu Vai	0,52				0,52	900	900			
6	Hồ chứa nước sinh hoạt Xà Lũng	xã Pả Vi	0,53				0,53	900	900			
7	Hồ chứa nước sinh hoạt Tia Chí Đù	xã Cán Chu Phìn	0,53				0,53	900	900			
8	Dự án thủy điện Sông Nhiệm 3; Hạng mục: Lòng hồ + Đường dây 35KV đầu nối thủy điện Sông Nhiệm 3 vào lưới điện Quốc Gia	xã Niêm Sơn, xã Nậm Ban	2,47	0,50			1,98	2.500			2.500	
IV	H. YÊN MINH		9,30	0,57	-	0,22	8,51	7.065	4.565	-	2.500	
1	Chuyển mục đích để xây dựng phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất	TT Yên Minh	0,06	0,06								
2	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km13 - Km17 và Km36+183 - Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc), tỉnh Hà Giang (ĐA đi qua 2 huyện; Địa phận huyện Yên Minh)	xã Hữu Vinh, xã Mậu Duệ	5,82	0,29			5,53	3.600	3.600			
3	Hồ chứa nước sinh hoạt Lũng Búng	xã Na Khê	0,55	0,11			0,44	498	498			
4	Hồ chứa nước sinh hoạt Hồng Ngài B	xã Sùng Thái	0,65	0,11			0,54	467	467			



Handwritten signature or mark at the bottom right corner of the page.

5	Dự án thủy điện Sông Nhiệm 3; Hạng mục: Đường dây 35KV đầu nối thủy điện Sông Nhiệm 3 vào lưới điện Quốc Gia	xã Mậu Long, Mậu Duệ, Đông Minh	2,23			0,22	2,01	2.500			2.500	
V	H. QUẢN BẠ		2,28	0,25	-	-	2,03	1.530	890	-	640	
1	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường từ thị trấn Tam Sơn đi thôn Bảo An-Thanh Long xã Thanh Vân, huyện Quản Bạ	Thị trấn Tam Sơn và xã Thanh Vân	1,00				1,00					
2	Hạt Bảo vệ và phòng chống chữa cháy rừng cấp bách huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Huyện Quản Bạ	0,18	0,14			0,04	500			500	
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Quản Bạ năm 2022.	Huyện Quản Bạ	0,004				0,004	140			140	
4	Hồ chứa nước sinh hoạt Sàng Cán Tỷ, xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ	xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ	0,55	0,11			0,44	890	890			
5	Hồ chứa nước sinh hoạt Sải Sàng Phìn xã Tả Ván, huyện Quản Bạ	xã Tả Ván, huyện Quản Bạ	0,55				0,55					
VI	H. BẮC MÊ		2,08	0,62	-	-	1,46	2.000	2.000	-	-	
1	Trạm kiểm soát lâm sản tại thôn Kim Thạch xã Minh Ngọc	xã Minh Ngọc	1,78	0,62			1,16	1.500	1.500			
2	Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già thuộc dự án đầu tư phát triển và nâng cao năng lực vườn quốc gia Du Già cao nguyên đá Đồng Văn	xã Minh Sơn - huyện Bắc Mê	0,30				0,30	500	500			
VII	H. VỊ XUYỀN		34,25	5,05	-	-	29,20	17.755	-	-	17.755	
1	Đường nội thị thị trấn Vị Xuyên (giai đoạn 1, đoạn phía sau UBND huyện Vị Xuyên)	Thị trấn Vị Xuyên	20,00	5,00			15,00	9000			9.000	

2	Dự án: Đường Vành đai phía Nam thành phố (đoạn từ Km2+260 đến Km2+939,2 và tuyến đường dẫn lên cầu mới (bờ phía Đông sông Lô)	Thôn Lấp 1, xã Phú Linh	0,81				0,81	100			100	
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Vị Xuyên năm 2022.	Tổ 10 TT Vị Xuyên, Thôn Hát xã Việt Lâm	0,011	0,002			0,009	90			90	
4	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Hà Giang năm 2022.	Thôn Nà Pồng, Bản Lúa, xã Linh Hồ, Thôn Tham Vè xã Cao Bồ	0,012	0,004			0,008	30			30	
5	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2021	xã Đạo Đức, xã Việt Lâm	0,01				0,01	30			30	
6	CQT các TBA khu vực, huyện Vị Xuyên; Quang Bình; Bắc Quang, huyện Xín Mần; HSP năm 2019	Đội 5, Thôn Ngọc Hà, xã Ngọc Linh	0,01				0,01	50			50	
7	Nhà trực vận hành điện lực thị trấn Việt Lâm	TT Nông Trường Việt Lâm	0,01				0,01	45			45	
8	Đường dây & TBA 110kV Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang	xã Phương Tiến	0,20				0,20	180			180	
9	Xuất tuyến 22kV, 35kV TBA 110kV Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang	xã Phương Tiến, Thanh Thủy, Phong Quang	0,06	0,02			0,05	80			80	

Handwritten signature

10	Xuất tuyến 22Kv; 35kV TBA Bình Vàng (02 lộ)	xã Phú Linh, Linh Hồ, Cao Bồ, Đạo Đức, TT Vị Xuyên.	0,10	0,03			0,07	100			100	
11	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Đội 1 thủy Lâm xã Trung Thành, Thôn Trang, xã Việt Lâm	0,02	0,00			0,02	50			50	
12	Sửa chữa đột xuất hệ thống thoát nước và cống ngang Km 271+977 – Quốc lộ 2 (khu vực nghĩa trang liệt sỹ Quốc gia Vị Xuyên) tỉnh Hà Giang.	tổ 18, thị trấn Vị Xuyên	0,05				0,05					
13	Dự án Khu đô thị mới Phú Hưng (thuộc địa bàn huyện Vị Xuyên)	xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên	12,95				12,95	8.000			8.000	
VIII H. HOÀNG SU PHÌ			8,25	0,91	-	0,80	6,54	11.255,0	6.825,0	300,0	4.130,0	
1	Cấp điện cho thôn Thành Công xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì	xã Nậm Dịch	0,10	0,05			0,05	150		150		
2	Cấp điện cho thôn Kết Thành xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì	xã Nậm Dịch	0,10	0,05			0,05	150		150		
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ trung tâm xã Túm Sán đi cổng trời thôn Hợp Nhất, xã Túm Sán huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang	xã Túm Sán	4,40	0,20		0,80	3,40	4.500,0	4.500,0			

4	Sửa chữa, bảo trì đường huyện ĐH. 10 (Km38, ĐT.177 đi UBND xã Thông Nguyên)	xã Nậm Ty, xã Thông Nguyên	1,30	0,20			1,10	1.950	1.950			
5	Cấp điện cho các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4 xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì	xã Túng Sán	0,25	0,15			0,10	375	375,0			
6	Kè chống sạt lở, khu vực mốc 216+218 và khu vực mốc 223-224, xã Bàn Máy, huyện Hoàng Su Phì	xã Bàn Máy	2,00	0,25			1,75	4.000			4.000	
7	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Đồng Văn năm 2021	xã Nậm Dịch, xã Phố Lồ	0,04	0,01			0,03	30			30	
8	Dự án xây dựng Trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Hoàng Su Phì (Bổ sung hạng mục gia cố ta luy âm, ta luy dương)	TT Vinh Quang	0,06				0,06	100			100	
IX	H.XÍN MẦN		1,32	-	-	0,18	1,14	400	-	400	-	
1	Mở mới đường bê tông từ ngã 3 rẽ vào thôn Ta Hạ, Na Mỏ đến chợ trung tâm xã Trung Thịnh	xã Trung Thịnh	1,11				1,11	300,0		300,0		
2	Cấp điện cho thôn Thào Chứ Ván xã Pà Vây Sủ	xã Pà Vây Sủ	0,03			0,00	0,03	100,0		100,0		
3	Dự án ĐZ 110kV Sông Chùng - Sông Chảy và TBA 110kV Sông Chảy	xã Quảng Nguyên	0,18			0,18						
X	H. QUANG BÌNH		32,73	8,41	-	1,20	23,12	11.520	2.100	4.100	5.320	

1	San ủi mặt bằng khu dân cư tổ 4, thị trấn Yên Bình để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (diện tích vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật đường nối đoạn 15 với ngã tư đoạn 7 kéo dài và đoạn nối từ ngã tư đoạn 7 kéo dài với ngã ba của đoạn 3 đường nội huyện)	Thị trấn Yên Bình	5,20	2,85			2,35	1.400	1.400			
2	SUMB và kê chống sạt lở khắc phục hậu quả thiên tai khu vực dân cư, trường THCS, UBND xã, trạm y tế, chợ Bản Rịa, huyện Quang Bình	xã Bản Rịa	1,35	0,55			0,80	500		500		
3	Thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông thôn Hòa Bình đi thôn Xuân Hòa	Xã Tiên Nguyên	5,68	0,65			5,03	2.200		2.200		
4	Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét (vùng nguy hiểm) xã Tân Trịnh	xã Tân Trịnh	1,50	0,20			1,30	700	700			
5	Thu hồi bổ sung trường PTDT Nội trú TT, Yên Bình	TT. Yên Bình	0,50				0,50	1.100		1.100		
6	Thu hồi bổ sung trường Mầm non xã Tân Bắc	xã Tân Bắc	0,20	0,20				300		300		
7	Thao trường huấn luyện tổng hợp Pà Vầy Sủ	xã Yên Thành	6,89	1,50			5,39	600			600	
8	Khu văn hóa bảo tồn bản sắc dân tộc Pà Thên (xói nháy lửa)	xã Tân Bắc	1,35	1,10			0,25	500			500	
9	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Bắc Quang năm 2022.	xã Yên Thành, TT Yên Bình	0,08	0,02			0,06	100			100	

10	Đường dây 110 kV Sông Chừng – Sông Chảy và trạm biến áp 110kv Sông Chảy. Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện khu vực Miền Bắc – Vay vốn ngân hàng tái thiết Đức	Thị trấn Yên Bình + Tân Nam	0,38				0,38	120			120	
11	Thủy điện Mận Thẳng 2	xã Tân Nam	9,60	1,34		1,20	7,06	4.000			4.000	
XI	H. BẮC QUANG		11,50	0,13	-	-	11,37	5.645	-	1.645	4.000	
1	Cải tạo, nâng cấp Chợ trung tâm xã	xã Vô Điểm	0,04				0,04	145		145		
2	Xây dựng đường dây 110KV đầu nối nhà máy thủy điện Sông Lô 5 vào lưới điện Quốc gia	xã Quang Minh	0,73				0,73	1.000			1.000	
		xã Kim Ngọc	0,27				0,27	500			500	
		xã Vô Điểm	0,39				0,39	700			700	
		xã Hùng An	0,34				0,34	600			600	
3	Xây dựng đường dây 110KV đầu nối nhà máy thủy điện Sông Lô 6 vào lưới điện Quốc gia	xã Vĩnh Hảo	0,14				0,14	400			400	
		xã Hùng An	0,40				0,40	800			800	
4	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Việt Quang	TT. Việt Quang	9,19	0,13			9,06	1.500		1.500		

PHỤ LỤC 02

Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 45 /NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
	Toàn tỉnh		85,55	17,27	-	2,40	65,88	45.683	16.484	4.900	24.299
I	TP. HÀ GIANG		0,01	0,01	-	-	-	9,483	-	-	9,483
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực TPHG năm 2021 (bổ sung)	xã Phương Thiện	0,01	0,01				9,483			9,483
II	H. ĐỒNG VĂN		0,85	0,08	-	-	0,77	814	604	-	210
1	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Đồng Văn năm 2021	xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	0,05	0,01			0,04	70,0			70,0
2	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Đồng Văn năm 2021.	Thị trấn Đồng Văn	0,04	0,01			0,03	70,0			70,0
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Đồng Văn năm 2022.	Thị trấn Đồng Văn	0,05	0,01			0,04	70,0			70,0
4	Hồ chứa nước sinh hoạt thôn Ngải Trồ, xã Má Lề	xã Má Lề	0,71	0,05			0,66	604	604		
III	H. MÈO VẠC		2,47	0,50	-	-	1,98	2.500	0	0	2.500

1	Dự án thủy điện Sông Nhiệm 3; Hạng mục: Lòng hồ + Đường dây 35KV đầu nối thủy điện Sông Nhiệm 3 vào lưới điện Quốc Gia	xã Niêm Sơn, xã Nậm Ban	2,47	0,50			1,98	2.500			2.500
IV	H. YÊN MINH		9,30	0,57	-	0,22	8,51	7.065	4.565	-	2.500
1	Chuyển mục đích để xây dựng phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất	TT Yên Minh	0,06	0,06							
2	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km13 - Km17 và Km36+183 - Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc), tỉnh Hà Giang <i>(ĐA đi qua 2 huyện; Địa phận huyện Yên Minh)</i>	xã Hữu Vinh, xã Mậu Duệ	5,82	0,29			5,53	3.600	3.600		
3	Hồ chứa nước sinh hoạt Lũng Búng	xã Na Khê	0,55	0,11			0,44	498	498		
4	Hồ chứa nước sinh hoạt Hồng ngài B	xã Sùng Thái	0,65	0,11			0,54	467	467		
5	Dự án thủy điện Sông Nhiệm 3; Hạng mục: Đường dây 35KV đầu nối thủy điện Sông Nhiệm 3 vào lưới điện Quốc Gia	xã Mậu Long, Mậu Duệ, Đông Minh	2,23			0,22	2,01	2.500			2.500
V	H. QUẢN BẠ		0,73	0,25	-	-	0,48	1.390	890	-	500
1	Hạt Bảo vệ và phòng chống chữa cháy rừng cấp bách huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Huyện Quản Bạ	0,18	0,14			0,04	500			500
2	Hồ chứa nước sinh hoạt Sảng Cán Tỷ, xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ	xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ	0,55	0,11			0,44	890	890		
VI	H. BẮC MÊ		1,78	0,62	-	-	1,16	1.500	1.500	-	-
1	Trạm kiểm soát lâm sản tại thôn Kim Thạch xã Minh Ngọc	xã Minh Ngọc	1,78	0,62			1,16	1.500	1.500		
VII	H. VỊ XUYỀN		20,31	5,14	-	-	15,17	9.350	-	-	9.350

1	Đường nội thị thị trấn Vị Xuyên (giai đoạn 1, đoạn phía sau UBND huyện Vị Xuyên)	Thị trấn Vị Xuyên	20,00	5,00			15,00	9000			9.000
2	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Vị Xuyên năm 2022.	Tổ 10 TT Vị Xuyên, Thôn Hát xã Việt Lâm	0,011	0,002			0,009	90			90
3	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Hà Giang năm 2022.	Thôn Nà Pồng, Bản Lúa, xã Linh Hồ, Thôn Tham Vê xã Cao Bồ	0,012	0,004			0,008	30			30
4	Xuất tuyến 22kV, 35kV TBA 110kV Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang	xã Phương Tiến, Thanh Thủy, Phong Quang	0,06	0,02			0,05	80			80
5	Xuất tuyến 22Kv; 35kV TBA Bình Vàng (02 lộ)	xã Phú Linh, Linh Hồ, Cao Bồ, Đạo Đức, TT Vị Xuyên.	0,10	0,03			0,07	100			100
6	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Vị Xuyên năm 2020	Đội 1 thủy Lâm xã Trung Thành, Thôn Trang, xã Việt Lâm	0,024	0,002			0,023	50			50
7	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tùng Bá, Thôn Hồng Tiến.	xã Tùng Bá	0,10	0,09			0,01				
VIII. H. HOÀNG SU PHÌ			8,19	0,91	-	0,80	6,5	11.155,0	6.825,0	300,0	4.030,0

1	Cấp điện cho thôn Thành Công xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì	xã Nậm Dịch	0,10	0,05			0,05	150		150	
2	Cấp điện cho thôn Kết Thành xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì	xã Nậm Dịch	0,10	0,05			0,05	150		150	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ trung tâm xã Túm Sán đi cổng trời thôn Hợp Nhất, xã Túm Sán huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang	xã Túm Sán	4,40	0,20		0,80	3,40	4.500,0	4.500,0		
4	Sửa chữa, bảo trì đường huyện ĐH. 10 (Km38, ĐT.177 đi UBND xã Thông Nguyên)	xã Nậm Ty, xã Thông Nguyên	1,30	0,20			1,10	1.950	1.950		
5	Cấp điện cho các thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4 xã Túm Sán, huyện Hoàng Su Phì	xã Túm Sán	0,25	0,15			0,10	375	375,0		
6	Kè chống sạt lở, khu vực mốc 216+218 và khu vực mốc 223-224, xã Bản Máy, huyện Hoàng Su Phì	xã Bản Máy	2,00	0,25			1,75	4.000			4.000
7	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Đồng Văn năm 2021	xã Nậm Dịch, xã Phố Lồ	0,04	0,01			0,03	30			30
IX	H.XÍN MẦN		0,21	-	-	0,18	0,03	100	-	100	-
1	Dự án ĐZ 110kV Sông Chừng - Sông Chảy và TBA 110kV Sông Chảy	xã Quảng Nguyên	0,18			0,18					
2	Cấp điện cho thôn Thảo Chứ Ván xã Pà Vầy Sủ	xã Pà Vầy Sủ	0,03			0,00	0,03	100,0		100,0	
X	H. QUANG BÌNH		31,85	8,41	-	1,20	22,24	10.300	2.100	3.000	5.200
1	San ủi mặt bằng khu dân cư tổ 4, thị trấn Yên Bình để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất (diện tích vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật đường nối đoạn 15 với ngã tư đoạn 7 kéo dài và đoạn nối từ ngã tư đoạn 7 kéo dài với ngã ba của đoạn 3 đường nội huyện).	Thị trấn Yên Bình	5,20	2,85			2,35	1.400	1.400		

2	SUMB và kê chống sạt lở khắc phục hậu quả thiên tai khu vực dân cư, trường THCS, UBND xã, trạm y tế, chợ Bản Rịa, huyện Quang Bình	xã Bản Rịa	1,35	0,55			0,80	500		500	
3	Thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông thôn Hòa Bình đi thôn Xuân Hòa	xã Tiên Nguyên	5,68	0,65			5,03	2.200		2.200	
4	Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét (vùng nguy hiểm) xã Tân Trịnh	xã Tân Trịnh	1,50	0,20			1,30	700	700		
5	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Bắc Quang năm 2022.	xã Yên Thành, TT Yên Bình	0,08	0,02			0,06	100			100
6	Thủy điện Mận Thẳng 2	Tân Nam	9,60	1,34		1,20	7,06	4.000			4.000
7	Thu hồi bổ sung trường Mần non xã Tân Bắc	xã Tân Bắc	0,20	0,20				300		300	
8	Thao trường huấn luyện tổng hợp Pà Vầy Sủ	xã Yên Thành	6,89	1,50			5,39	600			600
9	Khu văn hóa bảo tồn bản sắc dân tộc Pà Thên (xói nhảy lửa)	xã Tân Bắc	1,35	1,10			0,25	500			500
XI	H. BẮC QUANG		9,84	0,78	-	-	9,06	1.500	-	1.500	-
1	Xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hùng An (Lý trình Km223+150, QL2)	xã Hùng An	0,34	0,34							
2	Dự án đầu tư: Cửa hàng bán lẻ xăng dầu xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang	xã Đồng Tâm	0,31	0,31							
3	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Việt Quang	TT. Việt Quang	9,19	0,13			9,06	1.500		1.500	